

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng và bà Đinh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2022/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị L, sinh năm 198x.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 198x.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022, các biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Đào Thị L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 13/11/2007, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có công việc ổn định, thường xuyên chơi bài bạc, không tu trí làm ăn, không phụ giúp chị về kinh tế để nuôi con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra, xô sát cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 7/2022, anh T đánh chị, từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Chị L và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/07/200x và Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 07/04/201x.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L thay đổi ý kiến, đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A. Chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Kiều T. Chị và anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, các biên bản hoà giải anh Nguyễn Văn T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về ngày, tháng, năm, địa điểm kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, anh T nhất trí với lời trình bày của chị L. Tuy nhiên, anh cho rằng nguyên nhân dẫn mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày với Tòa là chưa đúng, mà do chị L có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài, nên đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2022 đến nay, anh không liên lạc được. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị L, đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh về đoàn tụ.

+ Về con chung: Anh T xác nhận có hai con chung với chị L như chị L đã trình bày nêu trên là đúng. Tại bản tự khai, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Thị Kiều T, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thay đổi ý kiến, đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, để chị L nuôi cháu Nguyễn Thị Kiều T. Anh và chị L không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đào Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T cho chị L; giao cháu Nguyễn Ngọc A cho anh T. Chị L, anh T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Ngọc A và T cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Các đương sự

không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn - anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/11/2007 tại UBND phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, các đương sự đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chị L cho rằng anh T không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên không phụ giúp được chị về kinh tế để nuôi con, còn anh T cho rằng chị L có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài nên bỏ nhà đi, anh không liên lạc được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, anh T đề nghị đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết đề nghị được ly hôn nên Tòa án hòa giải không thành. Anh T không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với chị L, tuy nhiên anh T không đưa ra được các giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị L và anh T có hai con chung là Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Thị Kiều T. Các đương sự thống nhất, chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kiều T, anh T nuôi cháu Nguyễn Ngọc A. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu T, Ngọc A, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống, sinh hoạt, học tập của các cháu, cần giao cháu T cho chị L; giao cháu Ngọc A cho anh T. Mỗi bên đương sự nuôi một con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L, anh T mỗi bên nuôi một con chung nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đào Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 07/04/201x cho chị Đào Thị L. Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/07/200x cho anh Nguyễn Văn T. Chị L, anh T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu T và Ngọc A cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị L, anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000xxx ngày 10/10/202x tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị L, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường H, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Bái

- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

